

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/DS-ST
Ngày: 15-5-2025
V/v Tranh chấp “HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường.
2. Bà Đặng Ngọc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà Phùng Kim Tho – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 487/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số F, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vinh Long. (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Sơn T, sinh năm 1996; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vinh Long; Địa chỉ liên hệ: Số B, khóm A, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vinh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 11/11/2024). (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Ngọc T1 – Luật sư Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V. (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Kim S, sinh năm: 1974. (có mặt).
2. Ông Nguyễn Tấn C, sinh năm: 1974. (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Số F, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vinh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn L1, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Số F, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vinh Long. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện 04/11/2024 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Do quen biết nhau nên chị Nguyễn Thị Trúc L có cho bà Nguyễn Kim S và ông Nguyễn Tấn C vay số tiền 680.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 24/7/2023, chị L cho bà Nguyễn Kim S và ông Nguyễn Tấn C vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất thỏa thuận theo quy định pháp luật và có lập hợp đồng vay tiền tại Văn phòng C1.

Ngày 24/11/2023, chị L cho bà Nguyễn Kim S vay 02 lần, lần một số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận theo quy định pháp luật, việc vay tiền có lập biên nhận; lần hai số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 04 tháng, lãi suất thỏa thuận theo quy định pháp luật, việc vay tiền có lập biên nhận.

Kể từ khi vay tiền cho đến nay, bà S và ông C không có trả lãi và vốn cho chị L, chị L đã nhiều lần yêu cầu bà S và ông C trả tiền nhưng bà S và ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay chị L yêu cầu bà S và ông C có trách nhiệm liên đới trả cho chị L số tiền vốn gốc là 680.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng: Đối với số tiền vay 500.000.000 đồng tính từ ngày 24/7/2023 đến ngày 25/3/2025 là 166.000.000 đồng; đối với số tiền vay 180.000.000 đồng tính từ ngày 24/11/2023 đến ngày 25/3/2025 là 47.808.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 893.808.000 đồng. Trường hợp bị đơn có thiện chí trả nợ thì nguyên đơn đồng ý giảm số tiền lãi 43.808.000 đồng cho bị đơn, yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn lãi là 850.000.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Kim S và ông Nguyễn Tấn C trình bày:

Chị L là hàng xóm của chị S nên vào ngày 24/7/2023, chị S và anh Nguyễn Tấn C có vay của chị L số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng và có lập hợp đồng vay tiền tại Văn phòng C1, mục đích vay tiền để đáo hạn ngân hàng, sau khi lập hợp đồng vay tiền xong thì chị S và anh C đã nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng.

Ngày 24/8/2023, chị S có đóng lãi cho chị L là 20.000.000 đồng do chồng của chị L là anh L1 nhận tại nhà của chị S, việc đóng lãi không có lập biên nhận hay ký nhận sổ. Sau đó, chị S bị giựt nợ nên không có khả năng đóng tiền lãi và trả vốn cho chị L.

Đến ngày 24/11/2023, chị L kéo người đến đe dọa chị S và yêu cầu viết giấy nợ đối với số tiền lãi còn thiếu là 80.000.000 đồng (03 tháng tiền lãi chị S chưa đóng cho chị L là 25.000.000 đồng x 3 tháng = 75.000.000 đồng tính từ tháng 9/2023 đến tháng 11/2023 và 5.000.000 đồng tiền lãi tháng 8/2023 chị S còn thiếu lại chị L). Giấy nợ ngày 24/11/2023 do chị L đọc nội dung cho con gái

của chị S là Nguyễn Ngọc Lan A viết, chị S là người ký tên và viết họ tên dưới mục người mượn tiền. Do đây là tiền lãi chị còn nợ của chị L không phải tiền vay mượn nên sau khi ký giấy nợ xong thì chị L không có giao tiền cho chị nên chị không thống nhất yêu cầu khởi kiện của chị L trả số tiền này.

Sau đó, chị không có tiền đóng lãi cho chị L nên ngày 16/4/2024 chị L đến nhà chị và yêu cầu viết giấy nợ đối với 4 tháng chưa đóng lãi và chốt nợ, giấy nợ ngày 16/11/2024 do chị L đọc nội dung cho con gái của chị S là Nguyễn Ngọc Lan A viết, chị S là người ký tên và viết họ tên dưới mục người mượn tiền. Sau khi viết xong biên nhận thì chị L yêu cầu Lan A gạch bỏ phần ngày 16/4/2024 và ghi lại ngày 24/11/2023. Số tiền 100.000.000 đồng này là tiền lãi mà chị S còn nợ chị L tính từ ngày 24/11/2023 đến ngày 24/3/2024, chứ không phải tiền mượn như lời trình bày của chị L và chị không có nhận số tiền 100.000.000 đồng từ chị L nên chị không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của chị L về việc trả số tiền này.

Chị S và anh C đồng ý liên đới trả cho chị L số tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Riêng đối với số tiền 180.000.000 đồng tính theo 02 giấy nợ ngày 24/7/2023 là tiền lãi của số tiền vay 500.000.000 đồng nên chị và anh không thống nhất trả số tiền trên.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Kim S và ông Nguyễn Tấn C liên đới trả số tiền vốn 680.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 24/7/2023 của số tiền 500.000.000 đồng và từ ngày 24/11/2023 của số tiền 180.000.000 đồng đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 15/5/2025 bằng số tiền 116.498.800 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày ý kiến: Bà Nguyễn Thị Trúc L và bà Nguyễn Kim S, ông Nguyễn Tấn C là hàng xóm với nhau nên bà L có cho bà S, ông C vay 500.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng vay ngày 24/7/2023, thời hạn vay tiền là 6 tháng. Ngày 24/11/2023 bà L tiếp tục cho vay 180.000.000 đồng, bà S có ký giấy nợ nhưng đến nay bà S và ông C vẫn không trả tiền cho bà L. Căn cứ vào chứng cứ là hợp đồng vay tiền và giấy nợ mà bà S thừa nhận có ký tên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Trúc L buộc bà Nguyễn Kim S và ông Nguyễn Tấn C trả số tiền vốn 680.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 24/7/2023 của số tiền 500.000.000 đồng và từ ngày 24/11/2023 của số tiền 180.000.000 đồng đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 15/5/2025 bằng số tiền tổng cộng 116.498.800 đồng (trong đó tiền lãi 500.000.000 đồng là 90.055.000 đồng và tiền lãi 180.000.000 đồng là 26.443.800 đồng).

Bị đơn Nguyễn Kim S trình bày: Chị S đồng ý trả cho chị L số tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng vay ngày 24/7/2023 và tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Riêng đối với số tiền 180.000.000 đồng tính theo 02 giấy nợ ngày 24/7/2023 là tiền lãi của số tiền vay 500.000.000 đồng nên chị không đồng ý trả.

Bị đơn Nguyễn Tấn C đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long giải quyết vụ án đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật từ khi thụ lý đơn kiện cho đến khi đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Buộc bà Nguyễn Kim S và ông Nguyễn Tấn C liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Trúc L số tiền nợ gốc 680.000.000 đồng và tiền nợ lãi 90.055.000 đồng. Tổng cộng 770.055.000 đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Đây là vụ án tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Bị đơn Nguyễn Tấn C đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn L1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b, d khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc L: Yêu cầu bà Nguyễn Kim S và ông Nguyễn Tấn C trả tiền vốn 680.000.000 đồng và tiền lãi tổng cộng 116.498.800 đồng.

Đối với số tiền 500.000.000 đồng: Xét hợp đồng vay tiền ngày 24/7/2023 bà S và ông C xác nhận có nợ của chị L số tiền 500.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả 06 tháng. Hết thời hạn bà S và ông C không thực hiện trả nợ nên Hội đồng xét xử có căn cứ buộc bà S và ông C trả số tiền 500.000.000 đồng.

Đối với số tiền 180.000.000 đồng: Bà S thừa nhận có ký vào 02 giấy nợ ngày 24/11/2023, giấy nợ do con bà viết, bà xác định đây là tiền lãi mà bà chưa trả cho chị L theo mức lãi suất 5%/tháng nhưng bà không có căn cứ chứng minh là tiền lãi nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Chấp nhận yêu cầu của chị L buộc bà S, ông C phải trả số tiền 180.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi: Hợp đồng vay tiền 500.000.000 đồng thể hiện là hợp đồng vay có thời hạn, có lãi suất nhưng các bên không xác định được mức lãi suất. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Hội đồng xét xử xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này là 0,83% tính từ ngày ký hợp đồng 24/7/2023 đến ngày xét xử 15/5/2025 là 21 tháng 21 ngày bằng số tiền:

$500.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 21 \text{ tháng} 21 \text{ ngày} = 90.055.000 \text{ đồng}.$

Đối với 02 giấy nợ số tiền 180.000.000 đồng ngày 24/11/2023 xét thấy các bên cho vay mượn tiền không ghi rõ lãi suất nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Bị đơn Nguyễn Kim S và Nguyễn Tấn C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc L phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án và danh mục ban hành kèm theo. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Kim S và ông Nguyễn Tấn C liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Trúc L số tiền nợ gốc 680.000.000 đồng và tiền nợ lãi 90.055.000 đồng. Tổng cộng 770.055.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Bà Nguyễn Kim S và ông Nguyễn Tấn C phải chịu 34.802.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 1.322.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 18.561.000 đồng theo biên lai số 0007485 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà Trúc L được hoàn trả số tiền chênh lệch 17.238.800 đồng.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc L và bị đơn Nguyễn Kim S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Nguyễn Tấn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn L1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TVL;
- VKSND TPVL;
- CCTHA TPVL;
- Các đương sự;
- Lưu.

(đã ký)

Phạm Hải Châu